

S, ngày 20 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 100/2019/TLST- DS, ngày 23/12/2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lương Thị L (T), sinh năm 1971. Trú tại: Thôn C, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- **Bị đơn:** Bà Ma Thị Mai H, sinh năm 1977. Trú tại: Thôn C1, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Ma Ngọc H, sinh năm 1970. Trú tại: Thôn C1, xã Minh Thanh, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 - Về trách nhiệm trả nợ:

Bà Ma Thị Mai H có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Lương Thị L (T), ông Ma Ngọc H tổng số tiền là 172.500.000đ (*Một trăm bảy mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong đó nợ gốc 115.000.000đ (*Một trăm mười lăm triệu đồng*), lãi suất kể từ khi vay cho đến ngày 12/3/2020 là 57.500.000đ (*Năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*), theo các Giấy vay tiền ngày 26/02/2010, ngày 05/6/2010, ngày

18/7/2010, ngày 28/02/2012, ngày 13/6/2012 và “Giấy cam kết trả tiền” ngày 12/7/2019.

Khoản tiền phải trả kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lương Thị T (T) và ông Ma Ngọc H nếu bà Ma Thị Mai H chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2 - Về án phí:

Bà Lương Thị L , ông Ma Ngọc H phải nộp 2.156.000đ (*Hai triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Luyện đã nộp là 5.750.000đ (*Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003167 ngày 23/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Trả lại cho bà L 3.594.000 (*Ba triệu năm trăm chín mươi tư nghìn đồng*).

Bà Ma Thị Mai H phải nộp 2.156.000đ (*Hai triệu một trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) án phí dân sự có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bàn Văn Thế